

SỰ RA ĐỜI NGÂN HÀNG ĐÔNG DƯƠNG (BANQUE DE L'INDOCHINE) NĂM 1875

DƯƠNG TÔ QUỐC THÁI*

TÓM TẮT

Bài viết trình bày hoàn cảnh ra đời của Ngân hàng Đông Dương năm 1875 (Banque de l'Indochine). Thời điểm này, nền kinh tế Nam Kỳ đang trì trệ và Chính phủ Pháp đang gặp những khó khăn về tài chính. Hoàn cảnh ra đời đặc biệt đó đã giúp Ngân hàng Đông Dương có những lợi thế thương mại to lớn mà không một ngân hàng nào tại Pháp có thể sánh bằng. Ngân hàng Đông Dương đã trở thành một “ngân hàng bất khả chiến bại” của giới tư bản - tài chính Pháp ở vùng Viễn Đông.

Từ khóa: Ngân hàng Đông Dương, tài chính, tín dụng.

ABSTRACT

The birth of the Indochina Bank (Banque de L'Indochine) in 1875

The paper presents the condition in which the Bank of Indochina was born in 1875 (Banque de l'Indochine). This was when the economy in Southern Region was facing delays and the French government was running into financial problems. Born in such special situation, the Indochina Bank was eligible for business advantages that no banks in French can match. Indochina Bank had become a “Invincible bank” of the French capitalists and financiers in the Far East.

Keywords: Indochina Bank (Banque de l'Indochine), financial, credit.

1. Đặt vấn đề

Không giống bất kỳ một ngân hàng nào, Ngân hàng Đông Dương (Banque de l'Indochine) mang tên thuộc địa ra đời vào ngày 21-01-1875, nhưng trụ sở không phải ở Đông Dương mà ở chính quốc. Ngân hàng này ra đời gắn với những thăng trầm của nước Pháp và sự thua thiệt về thương mại của Pháp trên đất Nam Kỳ. Nước Pháp trong thời điểm ấy đang mất khả năng chi, trả tài chính và lệ thuộc nhiều vào các ngân hàng khác. Dù vậy, Chính phủ Pháp vẫn nhanh chóng quyết định thành lập Ngân hàng Đông Dương.

2. Những thúc bách từ Nam Kỳ

Ngay sau khi đánh chiếm Nam Kỳ, các đô đốc Pháp lập tức cho mở cửa cảng Sài Gòn để thuyền bè các nước được tự do ra vào buôn bán. Ngày 22-02-1860, đô đốc Page tuyên bố cảng Sài Gòn được mở cho hoạt động buôn bán dân sự quốc tế. Mục đích của việc làm này là nhằm tìm kiếm một khoản “tài chính” để trang bị khí tài cho quân đội viễn chinh Pháp, tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược xứ Nam Kỳ. Bên cạnh đó, còn nhằm xem xét tiềm năng “thương mại” của xứ Cochinchine đối với các lợi ích của Pháp ở vùng Viễn Đông.

Sự việc trên làm cho giá lúa gạo tại Nam Kỳ tăng vọt, trước khi xảy ra trận Kỳ Hòa, 40 lít lúa gạo giá 1 quan tiền, sau

* ThS, Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực IV

tăng tới 3 quan tiền (khoảng 1 phrăng vàng) [4, tr.112]. Nhờ vậy, quân đội Pháp không những thoát khỏi tình trạng bị cô lập từ phía quân đội triều đình Huế mà còn được thêm một khoảng “ngân sách” đủ để chi tiêu cho cuộc chiến tranh. Theo báo cáo của đô đốc De la Grandière, thu nhập năm 1864 của xứ Nam Kỳ phân bổ như sau:

- Thuế trực thu: 1.475.000 franc;
- Thuế gián thu: 1.290.709 franc;
- Thu nhập địa ốc: 206.000 franc;
- Các thu nhập khác: 10.000 franc;

Tổng cộng: 2.981.709 franc [1, tr.149].

Còn theo ghi chép của Luro thì “*thu nhập của thuộc địa vào năm 1864 là 6.291.000 phrăng, đến năm 1874 đã lên tới hơn 14 triệu phrăng*” [4, tr.279].

Các số liệu trên tuy khác nhau, nhưng đã chứng tỏ tiềm năng thương mại của xứ Nam Kỳ là vô cùng to lớn đối với nền thương mại Pháp ở Viễn Đông. Những tin tức tốt lành này nhanh chóng lan truyền về Paris, làm chấn động giới báo chí Pháp và những ai quan tâm tới xứ Nam Kỳ.

Tờ *La Patrie* số ra ngày 19-10-1864 đăng tải thông tin như sau: “*Việc vận chuyển hàng hóa không ngừng gia tăng từ tháng này sang tháng khác, chỉ nói riêng sản lượng gạo, đã lên tới hơn 50.000 tấn, tàu các nước, đặc biệt là tàu Pháp chở đi xuất khẩu*” [1, tr.146].

Còn tờ *La Gazette de France* số ra ngày 05-11-1864 đã viết: “*Nam Kỳ và cảng Sài Gòn, nó không những là một vị trí quân sự và chính trị rất quan trọng mà còn có thể trở thành kho chứa hàng ở*

vùng Viễn Đông, tâm điểm giao thương các khu vực xa xôi đổ vào và từ đó tỏa ra khắp nơi. Và lại nhờ có nó, nhờ có nguồn lợi nó đem lại, nhờ ở sự màu mỡ đặc biệt của đất đai, nhờ ở sự đa dạng của sản phẩm, Nam Kỳ sẽ là phần đất sở hữu quý giá nhất. Hiện nay với nền nông nghiệp chưa hoàn thiện, nó vẫn xuất khẩu được một lượng gạo lớn và theo một cách nào đó, các nước đặc biệt là Nhật Bản sẽ lệ thuộc vào nguồn cung cấp này. Nam Kỳ còn sản xuất hương liệu, mía đường; nó có gỗ quý để xây dựng và nó trù phú tới mức đã có thể đủ cung cấp cho chính mình...” [1, tr.150].

Các thông tin này là nguồn cổ vũ tinh thần vô cùng quý giá cho những ai có vốn liếng muốn phát tài ở xứ Basse - Cochinchine xa xôi. Chính điều đó đã thôi thúc người dân châu Âu vượt đại dương để tìm đến xứ Nam Kỳ làm ăn buôn bán. Theo Trương Bá Cần, năm 1864, xứ Nam Kỳ có khoảng 600 người châu Âu đang sinh sống và làm việc tại đây [1, tr.238]. Cùng với thương nhân Hoa kiều và thương nhân một số nước khác, họ đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển của nền thương mại Nam Kỳ.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành công bước đầu, nền thương mại Nam Kỳ cũng bộc lộ rõ những hạn chế, nhất là trong vấn đề tài trợ vốn cho các hoạt động sản xuất nơi đây. Phần lớn dân Nam Kỳ sống bằng nghề nông, đời hỏi phải có một “khoản tín dụng” khá lớn để trang trải cho mùa vụ và cuộc sống hằng ngày. Muốn có được khoản tín dụng này, người nông dân phải đi vay và chịu một khoản lãi suất rất lớn: 50% - 60%/năm [4,

tr.280]; thậm chí có khi lên đến 200 - 300%/năm [9, tr.108].

Lợi dụng điều đó, bọn cho vay nặng lãi (nhất là Hoa kiều) đã ra sức hoành hành, hoạt động khắp nơi, xem thường pháp luật, gây nhiều khó khăn cho nông dân. Luro đã tường thuật về nạn cho vay nặng lãi như sau: “*Sự đất đỏ về tiền bạc là một nguyên nhân không thể tránh được của sự cùng khổ của người vô sản. Khi một người nghèo ngã bệnh, thì người đó bắt buộc phải đi vay và không trừ tính được tương lai của mình, không biết sẽ phải dấn mình trong bao nhiêu năm vào công việc cực nhọc không có năng suất, bạc bẽo và tuyệt vọng để hoàn lại số nợ. Trừ phi là có được một sự may mắn trong cờ bạc, trong trộm cắp hay buôn lậu để cứu giúp, nếu không, một người Annam ở tầng lớp thấp sẽ bị chìm vào trong tai họa và sự khốn cùng. Vì vậy những người giàu, rất có quyền thế đối với khách nợ của họ, có một ảnh hưởng rất lớn ở Annam. Điều này giải thích hoạt động nổi trội của các tầng lớp giàu có trong việc xử lý các sự việc ở xã*” [4, tr.280].

Còn trong “bản phúc trình” của Tổng đốc Trần Bá Lộc gửi cho Thống đốc Nam Kỳ mà chúng tôi thu thập được từ *Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II*, với nhan đề “**Nạn cho vay nặng lãi ở Nam Kỳ**” cho biết về thủ đoạn của bọn cho vay nặng đối với người nông dân. Đó là việc tước đoạt tài sản của người nông dân một cách trắng trợn và phi pháp. Bản phúc trình viết:

“Cái Bè ngày 07 tháng 8 năm 1869

Kính gửi ngài Đô đốc Toàn quyền đại thần Nam Kỳ

Điều trần

Nói về sự nhà giàu làm cách quỵ quái, hiếp kẻ nghèo, cho vay ăn lãi quá phép công bình.

Những người giàu làm quỵ quái như thế này: (Thí dụ) nó cho kẻ nghèo vay 100 gia, đủ 04 năm phải trả đủ 400 gia. Sự ấy phải theo luật, nó dẫu cho vay tiền hay là lúa mới ngoạt lu da (?) tức bắt quá bản, ấy là luật Annam. Người nhà giàu cho vay tiền hay là lúa hay làm tờ giấy quỵ quái thế này (thí dụ) khi nó cho kẻ nghèo vay tiền hay là lúa, nó ép làm giấy theo phép công bình. Như thế đến ngày Kỳ hẹn, kẻ vay chưa có mà trả, nó bắt thay tờ giấy lại, thì nó càng gia lợi vào nhiều lắm. Có khi 100 quan tiền vốn mà đến 400-500 quan tiền lời, hay là 100 gia lúa vốn đến 400-500 gia lúa lời, thì kẻ vay cũng phải chịu. Sau một ít lâu kẻ vay đi thưa với quan về sự nhà giàu cho nó vay ăn lời quá phép. Quan xét việc ấy không hiểu đặng. Làm sao mà khó xét rõ người cho vay bắt kẻ vay theo giấy mới, còn giấy của kẻ cho vay đốt đi. Nó không cho kẻ vay giữ giấy cũ, hầu người sau có hầu suy tính, nó sợ giao giấy cũ cho kẻ vay cầm, nếu sau kẻ vay thấy ăn lời quá phép có thưa đến quan thì mình có tội vì trong giấy ăn lời quá phép, cho nên kẻ vay thay giấy mới, rồi thường cho vay đốt giấy cũ đi, hay là xé lấy lại một trương phía trước có số tiền vốn và lời, còn trương sau giao cho kẻ vay cầm mà thôi. Người nhà giàu ăn lời đã nhiều, bởi cách làm quỵ quái thế ấy mà ra, mà quan xét không biết rõ đặng sự ấy, mà khi quan có hỏi đến người giàu về việc ăn lời quá phép thì nhà giàu chối hoài mà quan xét

kiếm cũng không ra để giúp kẻ nghèo. Mà kẻ vay đi vay thì bị nhà giàu nó ăn lời bất nhơn, cho nên dân nghèo lắm hừ, không ra mà ăn cũng ùi bởi trả tiền lời quá mà hết của.

Ấy vậy trong ý chúng tôi tưởng sự này quan lớn cấm đặng đều bất nhơn thế ấy, thì thật là làm ơn cho dân đặng nhờ lắm. (Cấm làm sao) nghĩa là ra luật cho mỗi làng đều biết hễ nhà giàu cho vay phải ăn lời theo luật, mà khi cho kẻ vay thay giấy mới, khi đã thay giấy rồi thì người cho vay phải giao lại cho người vay cầm để người sau suy tính, người cho vay thì nên xé bớt lại một trương trước hay là đốt đi. Nếu xé hay là đốt thì thật là gian.

Chúng tôi tưởng điều ấy là bất nhơn lớn lắm, nếu quan lớn sửa đặng thì dân nhờ lắm.

Nay bẫm

Tôi mượn Trần Bá Lộc kí (có đóng dấu)” [7, phong SL. N^o 376].

Bản điều trần trên chứng tỏ nạn cho vay nặng lãi đã làm cho người nông dân Nam Kỳ phải điêu đứng.

Cùng hoàn cảnh đó, giới thương nhân Pháp và châu Âu cũng có nguy cơ bị phá sản vì thiếu khoản tín dụng hỗ trợ. Ngay từ khi Pháp mới xâm chiếm Việt Nam, đã có một số công ti Pháp và châu Âu theo chân Pháp vào kinh doanh trên đất Nam Kỳ. Trong đó có một số công ti tiêu biểu như:

- Nhà máy xay xát lúa thuộc hãng Renard và Spooner;
- Nhà máy Cahezac de Bordeaux do Lheman làm đại diện;
- Hãng nước đá Cazaux và Salvain;

- Nhà máy làm đồ uống có gaz của Gueldre;

- Nhà máy kéo sợi của Francfort và Samuel ở Chợ Lớn;

- Nhà máy đường ở Biên Hòa do Kresser điều hành. [1, tr.427]

Ngoài các công ti trên, còn có một số công ti và cơ sở kinh doanh của châu Âu cũng đến buôn bán nơi đây như:

- 6 cơ sở xuất nhập cảng;
- 7 văn phòng đại diện thương nghiệp;
- 16 cửa hàng buôn bán đồ nội thất, hàng hóa Paris, rượu, đồ hộp;
- 5 cửa hàng gia vị;
- 1 cửa đồ đồng và sắt;
- 1 tiệm đồng hồ;
- 2 cửa hàng dược;
- 1 hàng thịt;
- 3 tiệm cà phê, tiệm ăn;
- 2 tiệm cung cấp vật dụng nghề biển;
- 1 phòng dịch vụ du lịch;
- 1 xưởng dệt tơ lụa chạy bằng máy hơi nước;
- 2 khu nhượng địa dùng làm công trường khai thác;
- 4 phòng khai thác công trình kiến trúc. [1, tr.83]

Những công ti này sau một thời gian làm ăn trên đất Nam Kỳ đã lần hồi lâm vào tình cảnh thiếu vốn sản xuất, kinh doanh và có nguy cơ bị phá sản. Một vài công ti đã phải đóng cửa, như: Công ti sợi của “*Francfort và Samuel hoạt động vào tháng 07-1869 gồm 100 trực kéo sợi, chạy bằng máy hơi nước, với 130 công nhân. Tuy nhiên nhà máy buộc phải ngưng hoạt động vào cuối năm*

1874 vì thiếu vốn” [1, tr.427]. Năm 1874, lại đánh dấu sự sụp đổ của nhà máy đường Biên Hòa (hoạt động từ năm 1870). Vì không đủ nguồn vốn để mua nguyên liệu mía, nên nhà máy đã phải ngưng hoạt động. Tình trạng này đã làm cho nền kinh tế Nam Kỳ bị trì trệ trong thời gian dài, gây ảnh hưởng không nhỏ đến tiềm năng thương mại của Pháp ở Nam Kỳ và vùng Viễn Đông.

Thêm vào đó là sự cạnh tranh gay gắt của người Anh và người Đức, điều này làm cho báo chí Pháp và những ai quan tâm tới xứ Nam Kỳ cũng phải quan ngại. Người Anh cho thiết lập hai chi nhánh ngân hàng tại Nam Kỳ để cung cấp tín dụng cho các thương nhân, nhằm kiểm soát nền thương mại nơi đây. Hai ngân hàng đó là:

- The Hongkong and Shanghai Banking Corporation;

- The Chartered Bank of India.

Còn người Đức thì thành lập các tổ hợp sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ ngân hàng:

- Hiệp hội xuất - nhập khẩu và ngân hàng của Nehr et Cie (Đức);

- Hiệp hội nhập khẩu - xuất khẩu của Kaltenbach và Engler et Cie (Đức);

- Công ti mặt hàng mới - hàng hóa Paris của Pohl và Openheimer;

- Hiệp hội xuất khẩu của anh em nhà Cahuzac (Đức)... [1, tr.238]

Sự xuất hiện của thế lực kinh tế này đã đe dọa lợi ích của giới thương nhân Pháp tại Nam Kỳ. Tờ *Le Monde* Pháp, số ra ngày 08-10-1864 đã giận dữ: “*Cuốn sạch hết, hoặc hầu như hết sạch các vùng đất của chúng ta tại Ấn Độ, hình như vẫn*

chưa đủ, họ (ám chỉ người Anh) còn lẻo đẻo theo sau để cản bước chúng ta và phía sau những mưu đồ,...” [1, tr.147].

Trong khi đó, một doanh nhân Pháp đã chua chát nêu lên: “*Phần lớn nhất trong hoạt động thương mại của thuộc địa chúng ta nằm trong tay người nước khác, người Anh và đặc biệt là người Đức. Tại Sài Gòn, họ là người sở hữu các hãng buôn mạnh nhất và điều hành các dịch vụ đáng kể nhất. Người ta cứ nghĩ đây là phần đất của người Đức. Các hãng buôn của chúng ta giữ vai trò rất mờ nhạt và hầu hết chỉ bán lẻ các mặt hàng nhập khẩu như: rượu, đồ hộp, các mặt hàng từ Paris,...*” [1, tr.433].

Những dẫn chứng nêu trên chứng tỏ nền thương mại Nam Kỳ đã bị người Anh và người Đức khống chế hoàn toàn. Đây là việc không mong muốn đối với nước Pháp và các đô đốc Hải quân đang chiếm đóng xứ Nam Kỳ.

Trước tình cảnh đó, để cứu vãn nền thương mại Nam Kỳ khỏi tình trạng trì trệ và ngăn chặn nguy cơ tụt hậu thương mại của nước Pháp ở Viễn Đông, đồng thời khống chế bọn cho vay nặng lãi đang hoành hành, các đô đốc Pháp đã đệ trình lên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và Hải quân Pháp - Bá tước Chasseloup – Laubat, đề nghị Ngân hàng Chiết khấu Quốc gia Pháp (Comptoir National d'Escompte de Paris) cho mở một chi nhánh tại Sài Gòn.

Đề nghị này đã được Ngân hàng Chiết khấu Quốc gia Pháp tán thành và ngày 24-9-1863 chính thức khai trương. Sự ra đời của chi nhánh Ngân hàng Chiết khấu Quốc gia Pháp (gọi tắt là C.N.E) là một tin vui cho giới thương mại Pháp. Họ

hi vọng ngân hàng sẽ cung cấp các khoản tín dụng cần thiết để các doanh nghiệp nơi đây được yên tâm sản xuất, kinh doanh.

Nhưng ngân hàng đã không đáp ứng được kì vọng của giới doanh nghiệp Pháp và các đô đốc Hải quân. Vì theo quy chế hoạt động, ngân hàng C.N.E “*chỉ là một ngân hàng kí thác, nhận giữ tiền của khách hàng thuận đem gửi mình. Thành ra những nghiệp vụ của ngân hàng này chỉ là việc cho vay ngắn hạn, trong khi dân bản xứ chuyên về nghề nông, cũng là những thực dân Pháp bắt đầu sang mưu sinh ở xứ Nam Việt đòi hỏi một tín dụng dài hạn*” [2, tr.198].

Trước thực trạng đó, đô đốc Roze đã nghĩ ngay đến việc thành lập một “ngân hàng phát hành giấy bạc” dành cho xứ thuộc địa, trực thuộc quyền quản lí Chính phủ Pháp. Nhiệm vụ của ngân hàng là cung cấp các khoản tín dụng cho hoạt động kinh tế tại Nam Kỳ. Trong thư gửi cho Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp, đô đốc Roze đã viết: “*Một tổ chức tín dụng nghiêm túc cho vay với mức lãi 20%/năm, có lẽ sẽ thu được những lợi ích đáng kể. Việc tổ chức các tỉnh hiện tại, việc xác định các chủ sở hữu được hoàn thành nay mai sẽ đem lại những đảm bảo mong muốn cho một tổ chức tín dụng. Một ngân hàng thuộc địa, theo cách của những ngân hàng từng tồn tại ở các thuộc địa khác, có lẽ có thể hoàn toàn thỏa mãn được mục đích đưa tín dụng vào quy chế những sửa đổi cần thiết để phù hợp với những nhu cầu của Nam Kỳ*” [8, thông SOM./AFF.Eco. C.61].

Đề nghị này của đô đốc được Bộ Thuộc địa và Hải quân Pháp tán thành, nhưng đã bị Chính phủ Pháp phủ quyết với lí do: Nước Pháp đang bận rộn với chiến sự tại châu Âu, đặc biệt là cuộc chiến tranh Pháp - Phổ (1870 - 1871) có nguy cơ xảy ra.

Trước thất bại của đề án và nguy cơ mất dần ưu thế thương mại Pháp ở Viễn Đông, các đô đốc Pháp đã cùng với Bộ Thuộc địa tiến hành vận động giới tài chính Pháp ở Lyonnais, Marseille, Paris, Bordeaux... đứng ra thành lập một ngân hàng cổ phần phát hành dành cho xứ thuộc địa. Đề nghị này đã được giới tài chính Pháp và ba ngân hàng lớn ở Pháp là: C.N.E, Soci  t   G  n  rale, Banque de Paris et des Pays Bas (PARIBAS) tán thành.

Sau nhiều phiên thảo luận, họ đã nhất trí thành lập một ngân hàng phát hành giấy bạc dành cho xứ thuộc địa Nam Kỳ dưới hình thức ngân hàng cổ phần, lấy tên là *Ng  n h  ng Đ  ng Đ  ng* (Banque de l'Indochine).

Sau khi cuộc chiến tranh Pháp - Phổ (1870 - 1871) kết thúc, nước Pháp lâm vào tình cảnh khốn đốn, nguồn lợi lớn nhất ở hai tỉnh “*Alsace và Lorraine*” bị mất, lại phải bồi thường cho Đức một khoảng chiến phí là 5 tỉ ph  ng v  ng (mỗi ph  ng nặng 322 mgr v  ng) [2, tr.198]. Phần lớn lãnh thổ nước Pháp bị quân Đức chiếm đóng cho đến khi nào nước Pháp trả xong chiến phí. Số tiền khổng lồ đó là một thách thức đối với nước Pháp.

Theo Lê Đình Chân, toàn bộ nguồn thu nhập bằng các khoản thuế trong một năm của nước Pháp chỉ khoảng 4 đến 5 tỉ

phrăng vàng [3, tr.16]. Trong khi đó, số chi tiêu của Chính phủ Pháp cũng tương đương với tổng số thu nhập trên, thậm chí còn chi vượt mức. Đây là một gánh nặng thuế đối với nhân dân Pháp.

Trước sự khó khăn về tài chính, Chính phủ Pháp đã nhờ các ngân hàng bán “trái phiếu Chính phủ” để có tiền trả nợ cho Đức, đổi lại, họ được hưởng một khoản hoa hồng là 5%. Dưới sự giúp đỡ của các ngân hàng, đến năm 1873 “*Pháp đã trả xong toàn bộ 5 tỉ franc chiến phí, đại quân Đức rút khỏi lãnh thổ Pháp*” [6, tr.18]. Đây cũng là thời kì nước Pháp lâm vào cảnh nợ nần, không đủ tài chính để thành lập một ngân hàng phát hành giấy bạc trực thuộc Chính phủ dành cho xứ thuộc địa.

3. “Sứ mệnh” một ngân hàng thuộc địa

Được sự tán thành của Quốc hội Pháp, ngày 21-01-1875, Tổng thống Pháp ra sắc lệnh về việc “*thiết lập Đông Dương ngân hàng và cho cơ quan này được hưởng độc quyền phát hành tiền tại các xứ Đông Dương, các thuộc địa Pháp miền Thái Bình Dương và các tỉnh Ấn Độ thuộc Pháp*” [2, tr.198].

Theo sắc lệnh của Tổng thống Pháp về việc kí ban hành thành lập Ngân hàng Đông Dương thì phạm vi hoạt động của Ngân hàng Đông Dương rất rộng lớn, trải dài từ Thái Bình Dương đến tận Ấn Độ Dương. Điều đó chứng tỏ Ngân hàng Đông Dương nhận được sự hỗ trợ đặc lực từ giới tài chính và các ông trùm ngân hàng Pháp. Nhờ sự giúp đỡ này, Ngân hàng Đông Dương đã được Chính phủ

Pháp cho hưởng thêm một số đặc quyền sau:

- “*Ngân hàng Đông Dương có quyền nhận tiền kí thác của các khách hàng tư nhân cho nên nó trở thành Ngân hàng Ủy thác của khách hàng;*

- *Một ngân hàng nông tín, vì Ngân hàng Đông Dương có quyền cho các nông gia vay;*

- *Một ngân hàng thương mại, vì Ngân hàng Đông Dương có quyền cho tư nhân vay và chiết khấu các thương phiếu;*

- *Một ngân hàng doanh nghiệp, vì ngân hàng Đông Dương có quyền tham dự vào việc thiết lập những công ti kĩ - nghệ, thương mại hay nông nghiệp*” [2, tr.199].

Với những đặc quyền trên, “*trái tim*” và “*khối óc*” của nền kinh tế Đông Dương đã bị Ngân hàng Đông Dương chi phối [5, tr.24]. Từ đây, nền kinh tế Đông Dương phụ thuộc hoàn toàn vào Ngân hàng Đông Dương.

Cũng theo sắc lệnh của Tổng thống Pháp, Ngân hàng Đông Dương có trụ sở chính tại số 96, đại lộ Haussmann, thủ đô Paris của nước Pháp với vốn điều lệ ban đầu là 8.000.000 phrăng vàng, mỗi phrăng vàng nặng 322 mgr vàng nguyên chất và được chia ra làm 16.000 cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu có giá khởi điểm 500 phrăng [10, tr.84]. Tất cả các cổ phiếu này được nôm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Paris. Số liệu trên cho thấy, đây là một Ngân hàng cổ phần, tất cả số cổ phiếu trên đều được tư nhân thu mua. Cho nên, có thể gọi Ngân hàng Đông Dương là một ngân hàng trung ương tư hữu của xứ thuộc địa (vì là ngân hàng có

đặc quyền phát hành tiền tệ cho xứ thuộc địa).

Ra đời không bao lâu, Ngân hàng Đông Dương đã liên tục tăng vốn điều lệ: Từ 8.000.000 phrăng ban đầu lên 24.000.000 phrăng (năm 1900), 72.000.000 phrăng (năm 1920), 120.000.000 phrăng (năm 1931), 150.000.000 phrăng (năm 1940). Đến năm 1945, vốn của Ngân hàng Đông Dương là 157.500.000 phrăng [10, tr.84-85]. Điều đó chứng tỏ ngân hàng hoạt động rất mạnh và làm ăn đạt hiệu quả, đúng như mong đợi của giới tài chính và các ông trùm ngân hàng Pháp.

Về mạng lưới chi nhánh của Ngân hàng Đông Dương, lúc đầu ngân hàng dự kiến mở bốn chi nhánh: hai ở Pháp (Marseille và Bordeaux), một ở Sài Gòn và một ở Pondichéry (Ấn Độ thuộc Pháp). Còn theo Phạm Quang Trung, bên cạnh những chi nhánh trên, tính đến trước năm 1945, Ngân hàng Đông Dương còn có thêm các chi nhánh sau: Hải Phòng 1885, Hà Nội 1886, Nouméa 1888, Phnôm Pênh 1890, Đà Nẵng 1891, Hồng Kông 1894, Thượng Hải 1898, Quảng Đông 1902, Hán Khẩu 1902, Singapore 1905, Papeete Nam Mĩ 1905, Bắc Kinh 1907, Thiên Tân 1907, Vân Nam 1920, Nam Định 1926, Cần Thơ 1926, Vinh 1927, Quy Nhơn 1928, Huế 1929, London 1940, Tokyo 1942, Đà Lạt 1943. [9, tr.50-51]

Với mạng lưới chi nhánh nêu trên, Ngân hàng Đông Dương đã trở thành một “ngân hàng toàn cầu” đáng sợ nhất của giới tư bản tài chính Pháp và các ông trùm ngân hàng đứng phía sau nó.

Độc quyền về phát hành tiền tệ và những “đặc quyền” trong kinh doanh, thương mại, giúp cho Ngân hàng Đông Dương trở nên quyền lực nhất xứ Đông Dương, miền Thái Bình Dương và vùng Ấn Độ thuộc Pháp. Một Ngân hàng “bất khả chiến bại” và “có thể lực vô biên”. Điều đó đã được ghi nhận như sau: “*Là ngân hàng thương mại, Ngân hàng Đông Dương chỉ chạy theo lợi nhuận, chỉ thực hiện những nghiệp vụ nào mang lại nhiều lợi nhuận nhất. Là ngân hàng phát hành, Ngân hàng Đông Dương sử dụng nguồn vốn do độc quyền phát hành mang lại vào việc tham gia đầu tư vào những sự nghiệp ở thuộc địa hoặc ở một lãnh thổ hải ngoại mà nó quan tâm nhiều nhất... Tóm lại, với tư cách là một tổ chức độc quyền thật sự, Ngân hàng Đông Dương có khả năng bóp nghẹt mọi âm mưu cạnh tranh với nó ở trong nước và khoác cho mọi sự nghiệp đối ngoại của nó một tính cách ngoại giao và chính trị*” [9, tr.53].

Ngân hàng Đông Dương đã trở thành chỗ dựa tài chính lớn nhất của giới tài chính Pháp, các ngân hàng Pháp và nền thương mại Pháp ở Viễn Đông. Nhờ Ngân hàng Đông Dương, nền thương mại Pháp có thể cạnh tranh với nền thương mại Anh và Đức ở vùng Viễn Đông. Thêm nữa, giúp Soái phủ Nam Kỳ đẩy nhanh quá trình thôn tính toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia; từ đó, ra sức khai thác, bóc lột nhân dân các nước thuộc địa để làm giàu cho chính quốc.

4. Nhận xét

Sau khi chiếm xong Nam Kỳ, các đô đốc Hải quân Pháp lập tức cho mở cửa cảng Sài Gòn nhằm thoát khỏi tình trạng

bị cô lập từ phía quân đội triều đình Huế, để liên lạc và tìm sự giúp đỡ từ các nước, đồng thời còn để thăm dò tiềm năng thương mại của xứ Nam Kỳ. Nhưng do thiếu nguồn vốn để sản xuất và đặc biệt là bọn cho vay nặng lãi đang hoành hành, nền kinh tế Nam Kỳ đã lâm vào tình trạng trì trệ nghiêm trọng. Mọi tiềm năng thương mại nơi đây đều rơi vào tay các thương nhân Anh, Đức và Hoa kiều.

Trước thực tế đó, các đô đốc Pháp đã vận động Chính phủ cho mở chi nhánh Ngân hàng Chiết khấu Quốc gia Pháp để cung cấp tín dụng cho các hoạt động thương mại, nhưng ngân hàng đã không đáp ứng được sự mong đợi từ phía các thương nhân Pháp và Soái phủ Nam Kỳ. Trước tình cảnh đó, Soái phủ Nam Kỳ đã cùng với Bộ Thuộc địa vận động giới tài chính và các ngân hàng Pháp thành lập một ngân hàng phát hành giấy bạc dành cho xứ thuộc địa, lấy tên là Ngân hàng Đông Dương.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng “lịch sử phát triển của Đông Dương” gắn liền với “lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng Đông Dương”. Nhận xét này ở khía cạnh kinh tế là hoàn toàn

đúng. Từ khi Ngân hàng Đông Dương ra đời và đặt chi nhánh đầu tiên ở Sài Gòn (1875), nó đã giúp cho giới thương nhân Pháp đang làm ăn và sinh sống tại Nam Kỳ có điều kiện phô trương kỹ - nghệ của mình tại vùng Viễn Đông, mang vinh quang về cho Mẫu quốc.

Ngân hàng Đông Dương còn tài trợ cho Soái phủ Nam Kỳ trong việc đẩy mạnh xâm chiếm Việt Nam, biến nơi đây từ một quốc gia độc lập, có chủ quyền trở thành một nước thuộc địa, nằm trong khối Liên hiệp Pháp ở Viễn Đông. Với việc kiểm soát quyền phát hành tiền tệ của xứ Đông Dương và các thuộc địa Pháp ở Thái Bình Dương và Ấn Độ, Ngân hàng Đông Dương đã nắm toàn bộ “mạch máu” của nền kinh tế Đông Dương; từ đó chi phối hoàn toàn đời sống kinh tế, chính trị, xã hội... nơi đây. Đó cũng là thời kỳ đen tối nhất của Đông Dương dưới ách thống trị của thực dân Pháp mà “ẩn” sau nó là sự trợ giúp đắc lực của Ngân hàng Đông Dương. Sự ra đời của ngân hàng Đông Dương đã “trói chặt” nền kinh tế Đông Dương vào nước Pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Bá Cần (2011), *Hoạt động ngoại giao của nước Pháp nhằm củng cố cơ sở tại Nam Kỳ (1862-1874)*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Lê Đình Chân (1967), “Lược sử tiền tệ nước nhà (từ đời nhà Lý cho tới năm 1945)”, *Tạp chí Nghiên cứu Hành chính*, tập VI, (9)&(10).
3. Lê Đình Chân (1972), *Lược sử tiền tệ*, Tủ sách Đại học, Sài Gòn.
4. Philippe Devillers (2006), *Người Pháp và người Annam: Bạn hay Thù?* Nxb Tổng hợp TPHCM.
5. Jean Pierre Aumiphin (1994), *Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1859-1939)*, Đinh Xuân Lâm, Ngô Thị Chính, Hồ Song, Phạm Quang Trung dịch, Nxb Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội.

6. Nguyễn Lư, DSC (biên soạn, tổng hợp) (2010), *Chiến tranh tài chính tiền tệ toàn tập*, Nxb Lao động, Hà Nội.
7. SL. N° 376: Rapport sur l'usure fait par M. Tran Ba Loc, (1869).
8. SOM./AFF.Eco. C.61: Crédit agricole, hộp số 32.
9. Phạm Quang Trung (1997), *Lịch sử tín dụng nông nghiệp Việt Nam (1875-1945)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
10. Viện Nghiên cứu Kinh tế Tài chính - Tiền tệ Ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (1978), *Tư liệu lịch sử tiền tệ Đông Dương và Ngân hàng Đông Dương từ cuối thế kỉ XIX đến giữa thế kỉ XX*, Phan Hạ Uyên sưu tầm.

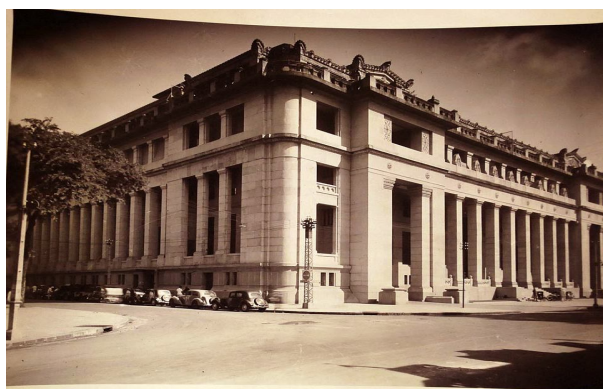
PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Trụ sở chính Ngân hàng Đông Dương tại Paris (Pháp)



Nguồn: <http://forum.viet-numis.com/viewtopic.php?t=3213>

Phụ lục 2. Chi nhánh Ngân hàng Đông Dương tại Sài Gòn



Nguồn: <http://www.skyscrapercity.com/showthread.php?t=488700&page=105>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 17-8-2012; ngày phân biện đánh giá: 25-12-2012;
ngày chấp nhận đăng: 04-3-2013)